

GIẢI PHÁP THÚC ĐẨY TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

TS. Nguyễn Duy Tùng*

Đồng bằng sông Cửu Long trong những năm qua đã ghi nhận những thành tích đáng kể trong phát triển kinh tế cũng như khẳng định vị thế là vựa lúa, thủy sản, cây ăn quả hàng đầu cả nước, góp phần bảo đảm an ninh lương thực quốc gia. Tuy nhiên, trong những năm gần đây, kinh tế của vùng gặp nhiều khó khăn, thách thức khiến tăng trưởng kinh tế suy giảm. Nghiên cứu được thực hiện nhằm đánh giá thực trạng tăng trưởng kinh tế của vùng giai đoạn 2011-2024, phân tích một số thách thức và đề xuất giải pháp phát triển kinh tế vùng.

• Từ khóa: Đồng bằng sông Cửu Long, tăng trưởng kinh tế.

The Mekong Delta has made significant progress in economic development in recent years, solidifying its position as the country's leading region for rice, seafood, and fruit production and contributing to national food security. However, the region's economy has faced many difficulties and challenges, leading to a decline in economic growth. This study aims to assess the economic growth of the Mekong Delta in the period 2011-2024, analyze some of the challenges, and propose solutions for regional economic development.

• Key words: Mekong Delta, economic growth.

Ngày gửi bài: 26/02/2025

Ngày gửi phản biện: 28/02/2025

Ngày nhận kết quả và sửa phản biện: 10/5/2025

Ngày chấp nhận đăng: 12/6/2025

DOI: <https://doi.org/10.71374/jfarv.v25.i292.19>

Giới thiệu

Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) có vị trí địa lý chiến lược, nằm ở trung tâm khu vực ASEAN, là cửa ngõ kết nối của các hành lang kinh tế Đông-Tây, có nhiều lợi thế phát triển kinh tế biển, biên mậu, giao thương quốc tế, là khu vực có tầm quan trọng trong bảo đảm an ninh, chính trị và phát triển kinh tế của cả nước. Do đó, trong nhiều năm qua, nhiều chính sách đã được xây dựng và đưa vào thực hiện nhằm huy động nguồn lực và triển khai nhiều giải pháp nhằm phát huy tiềm năng, lợi thế và tạo động lực phát triển của vùng như Nghị quyết số 21-NQ/TW, ngày 20/01/2003 của Bộ Chính trị khóa IX về phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng

Đồng bằng sông Cửu Long thời kỳ 2001-2010, Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng kinh tế trọng điểm vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 tại Quyết định số 245/QĐ-TTg 12 tháng 02 năm 2014; Nghị quyết số 120-NQ/CP ngày 17 tháng 11 năm 2017 về phát triển bền vững vùng Đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu; Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 2/4/2022 của Bộ Chính trị khóa XIII về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Hiện thực hóa đường lối, chủ trương tại các Nghị quyết nêu trên, thời gian qua, ĐBSCL đã đạt được nhiều thành tựu trong tăng trưởng kinh tế. Quy mô kinh tế của vùng ngày càng được mở rộng. Cơ cấu kinh tế đã chuyển dịch và phát triển đúng hướng với chất lượng và hiệu quả ngày càng cao. Tăng trưởng kinh tế ổn định và đời sống của người dân trong vùng ngày càng được cải thiện. Tuy nhiên, trong những năm gần đây, ĐBSCL cũng đang đối mặt với rất nhiều thách thức khiến tăng trưởng kinh tế của vùng bị suy giảm. Trong khuôn khổ nghiên cứu này, tác giả sẽ tập trung vào đánh giá thực trạng tăng trưởng kinh tế của vùng giai đoạn 2011-2024, phân tích một số thách thức và đề xuất giải pháp để phát triển kinh tế vùng.

Tăng trưởng kinh tế vùng Đồng bằng sông Cửu Long

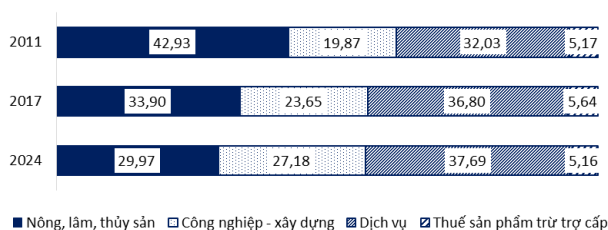
Vùng ĐBSCL trong những năm qua đã ghi nhận những thành tựu đáng kể trong tăng trưởng

* Học viện Chính sách và Phát triển; email: tung.nguyen@apd.edu.vn

Bài báo là sản phẩm khoa học của Đề tài Nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ cấp Quốc gia, "Sử dụng mô hình cân bằng tổng thể khả tính đánh giá tác động của hạn hán - xâm nhập mặn tới phát triển kinh tế vùng Đồng bằng Sông Cửu Long", mã số ĐTĐLCN-38/22.

kinh tế, với quy mô ngày càng mở rộng. Năm 2024, GDP của vùng đạt 1.409 nghìn tỷ đồng, tăng hơn 3 lần so với năm 2011, và đóng góp gần 12,2% vào GDP của cả nước. Cùng với quy mô kinh tế ngày càng mở rộng, cơ cấu kinh tế của vùng ĐBSCL cũng có sự chuyển dịch tích cực theo hướng giảm dần tỷ trọng của khu vực nông nghiệp sang các khu vực công nghiệp và dịch vụ có năng suất cao hơn. Năm 2024, ngành nông, lâm, thủy sản chiếm tỷ trọng 29,97% trong cơ cấu kinh tế của vùng, giảm gần 13 điểm % so với năm 2011. Thay vào đó là sự gia tăng của các ngành công nghiệp - xây dựng và dịch vụ với tỷ trọng tương ứng đạt 27,18% (tăng 7,31 điểm % so với năm 2011) và 37,69% (tăng 5,66 điểm % so với năm 2011).

Hình 1. Cơ cấu kinh tế vùng ĐBSCL giai đoạn 2011-2024

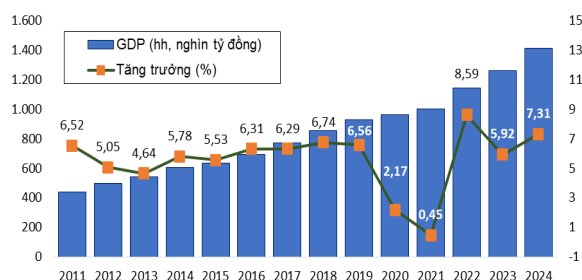


Nguồn: Tổng hợp từ NGTK tỉnh, Bộ KH&ĐT (2025)

Tăng trưởng kinh tế bình quân của vùng giai đoạn 2011-2024 đạt 5,54% (trong đó giai đoạn trước Covid là 5,93% (2011-2019) và sau Covid là 4,84% (2020-2023)). Trong bối cảnh chung của cả nước, kinh tế của vùng cũng đang dần phục hồi sau Covid và đạt tăng trưởng 7,31% vào năm 2024. Một số địa phương có mức tăng trưởng khá trong năm 2024 như Trà Vinh (10,04%), Hậu Giang (8,76%), Long An (8,3%), Kiên Giang (7,5%) (Bộ KH&ĐT, 2025).

Mặc dù là trung tâm nông nghiệp số một Việt Nam, song động lực tăng trưởng kinh tế của ĐBSCL chủ yếu đến từ khu vực công nghiệp - xây dựng và dịch vụ (mức đóng góp của hai khu vực này vào tăng trưởng kinh tế của vùng là khoảng trên 5%, trong khi ngành nông nghiệp đóng góp chỉ khoảng 1-1,2% (VCCI, 2022)). Do đó, trong giai đoạn bị ảnh hưởng chung bởi Covid, mặc dù ngành nông nghiệp của vùng vẫn tăng trưởng, nhưng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ rơi vào suy thoái, dẫn đến kinh tế chung của vùng bị sụt giảm.

Hình 2. Tăng trưởng kinh tế vùng ĐBSCL giai đoạn 2011-2024



Nguồn: Tổng hợp từ NGTK địa phương & cả nước

ĐBSCL vẫn luôn dẫn đầu về các thành tích trong sản xuất nông nghiệp. Vùng đã khẳng định vị thế là vựa lúa, thủy sản, cây ăn quả hàng đầu của cả nước, góp phần quan trọng trong sản xuất phục vụ tiêu thụ nội địa và xuất khẩu các mặt hàng quan trọng như gạo, thủy sản, rau quả (chiếm 50% sản lượng lúa gạo, 70% lượng trái cây và đóng góp 90% sản lượng gạo xuất khẩu, 60% kim ngạch xuất khẩu thủy sản của cả nước (NAWAPI, 2022)). Năm 2024, tăng trưởng của ngành nông, lâm, thủy sản đạt 3,85%. ĐBSCL đã không ngừng áp dụng cải tiến giống cây trồng, thay đổi từ giống lúa năng suất thấp sang các giống lúa cao sản chất lượng cao đạt 6-8 tấn/ha; góp phần nâng sản lượng lúa của vùng từ 23,3 triệu tấn năm 2011 lên 24,2 triệu tấn năm 2023. Đóng góp lớn vào sản lượng lúa của vùng là 3 tỉnh Kiên Giang, An Giang và Đồng Tháp, là những tỉnh có thế mạnh về sản xuất lúa gạo. ĐBSCL cũng là vùng có diện tích nuôi trồng thủy sản lớn nhất cả nước, với diện tích 764,3 nghìn ha, chiếm trên 72% diện tích nuôi trồng thủy sản cả nước năm 2023, tập trung lớn nhất ở các tỉnh Cà Mau, Kiên Giang, Bạc Liêu.

Về công nghiệp - xây dựng, ĐBSCL đã đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp làm động lực thúc đẩy phát triển kinh tế của vùng, trọng tâm là công nghiệp chế biến các sản phẩm nông lâm thủy sản hướng vào xuất khẩu, công nghiệp điện và năng lượng, dệt may - da giày, cơ khí... Năm 2024, tăng trưởng của ngành công nghiệp - xây dựng đạt 11,18%, chỉ số sản xuất công nghiệp hầu hết các tỉnh trong vùng duy trì mức tăng trưởng tốt. Công nghiệp chế biến chế tạo đặc biệt phát triển tại các tỉnh Long An, Tiền Giang, Cần Thơ, Đồng Tháp, Kiên Giang; công nghiệp điện và năng lượng tập trung tại các tỉnh Trà Vinh, Cà Mau, Cần Thơ, Bạc Liêu, Long An.

Dịch vụ là ngành chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu kinh tế vùng ĐBSCL, tốc độ tăng trưởng của ngành năm 2024 đạt 7,63%. Các tỉnh vùng ĐBSCL có đóng góp quan trọng trong sản xuất phục vụ tiêu thụ nội địa và xuất khẩu các mặt hàng nông thủy sản quan trọng như gạo, thủy sản (tôm, cá tra...) và rau quả (chiếm khoảng 60-70% tổng xuất khẩu cả nước) (Bộ KH&ĐT, 2025). ĐBSCL có tiềm năng phát triển đa dạng các sản phẩm du lịch dựa trên cơ sở khai thác thế mạnh từ hệ sinh thái sông nước, cảnh quan thiên nhiên, tài nguyên du lịch biển, đảo, di tích lịch sử, văn hóa cùng các giá trị văn hóa truyền thống đa dạng.

Mặc dù đã ghi nhận những thành tựu trong tăng trưởng kinh tế cũng như đóng góp của vùng ĐBSCL trong phát triển kinh tế cả nước, song kết quả cho thấy tăng trưởng kinh tế của vùng còn nhiều hạn chế.

Quy mô kinh tế còn nhỏ và tăng chậm

Quy mô kinh tế của vùng ĐBSCL nhìn chung vẫn còn nhỏ, luôn duy trì ở vị trí đứng thứ 4/6 vùng trên cả nước, chỉ xếp trước hai vùng là Trung du miền núi phía Bắc và Tây Nguyên. Đồng thời, mức tăng về quy mô kinh tế của vùng ĐBSCL cũng chậm hơn. So sánh với vùng có cùng quy mô kinh tế năm 2011 là Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung, có thể thấy quy mô kinh tế của vùng ĐBSCL tăng chậm hơn với mức tăng 2,87 lần giai đoạn 2011-2023, trong khi con số này ở vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung là 3,39 lần. So sánh với vùng có quy mô kinh tế lớn nhất cả nước là Đông Nam Bộ, kết quả cho thấy khoảng cách giữa hai vùng ngày càng tăng, thể hiện ở việc GRDP của vùng Đông Nam Bộ năm 2011 cao hơn so với vùng ĐBSCL năm 2011 là 3,02 lần, và con số này đã giảm xuống chỉ còn 2,5 lần vào năm 2023.

Bảng 1. Quy mô kinh tế các vùng năm 2011 và 2023

	2011	2023	2023/2011
Đồng bằng sông Hồng	936	3.109	3,32
Trung du và miền núi phía Bắc	240	892	3,71
Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung	466	1.580	3,39
Tây Nguyên	134	417	3,10
Đông Nam Bộ	1.325	3.161	2,39
Đồng bằng sông Cửu Long	438	1.259	2,87

Nguồn: Tổng hợp từ Niên giám thống kê

Tỷ trọng đóng góp trong GDP cả nước có xu hướng giảm

Do quy mô kinh tế nhỏ và tăng chậm khiến cho tỷ trọng đóng góp của ĐBSCL còn khiêm tốn, duy trì ổn định ở mức 12-12,5% giai đoạn trước Covid và có xu hướng giảm giai đoạn 2020-2023, đặc biệt là năm 2022 chỉ còn 11,8%. Mặc dù đã có sự tăng trưởng trở lại trong hai năm gần đây, song nhìn chung, mức đóng góp của vùng còn thấp so với tiềm năng phát triển. Một phần nguyên nhân đến từ việc, ĐBSCL đóng vai trò là vùng trọng điểm sản xuất nông nghiệp, đảm bảo an ninh quốc gia, do đó tỷ trọng của ngành nông nghiệp của vùng luôn cao hơn so với cả nước (năm 2024, tỷ trọng ngành nông, lâm thủy sản của vùng là 29,97%, cao gấp 2,5 lần so với tỷ trọng 11,86% của cả nước).

Tăng trưởng kinh tế còn chậm và có xu hướng giảm

Mặc dù quy mô kinh tế vẫn tăng, song tốc độ tăng trưởng kinh tế vùng ĐBSCL lại có xu hướng giảm. Tăng trưởng kinh tế của vùng gần như luôn thấp hơn so với tăng trưởng kinh tế của cả nước trong suốt giai đoạn 2011-2024. Trong giai đoạn này, tăng trưởng bình quân của vùng ĐBSCL là 5,54%, thấp hơn so với tốc độ tăng trưởng bình quân của cả nước là 6,09%.

Bảng 2. Tăng trưởng kinh tế vùng ĐBSCL và cả nước (%)

	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022	2023	2024
ĐBSCL	6,5	5,1	4,6	5,8	5,5	6,3	6,3	6,7	6,6	2,2	0,5	8,6	5,9	7,3
Cả nước	6,4	5,5	5,6	6,4	7,0	6,7	6,9	7,5	7,4	2,9	2,6	8,5	5,1	7,1

Nguồn: Tổng hợp từ NGTK địa phương & cả nước

Trong phát triển nội ngành cũng gặp nhiều khó khăn, thách thức, ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng chung của toàn vùng. Mặc dù nông nghiệp là ngành có thế mạnh của vùng, song mô hình phát triển nông nghiệp của ĐBSCL còn chưa bền vững và hiện đại hóa. Công nghiệp và dịch vụ chưa thực sự phát triển, nhất là công nghiệp chế biến và dịch vụ hỗ trợ nông nghiệp còn manh mún, chưa hình thành các chuỗi giá trị nông nghiệp hoàn thiện và do vậy, chưa tối đa hóa thu nhập cho người dân và doanh nghiệp.

Tính ổn định của tăng trưởng kinh tế

Tăng trưởng kinh tế của vùng ĐBSCL trong giai đoạn trước dịch khá ổn định, tuy nhiên, xét

cả giai đoạn 2011-2024, tăng trưởng của vùng thiếu ổn định hơn so với cả nước. Chỉ số a (Chỉ số a thể hiện tính ổn định của tăng trưởng kinh tế - phạm trù kinh tế phản ánh sự biến động của các tốc độ tăng trưởng kinh tế trong một thời kỳ nhất định; là một trong những cơ sở quan trọng để đảm bảo sự phát triển kinh tế bền vững. Tính ổn định có thể được đo lường bằng tỷ số giữa độ lệch chuẩn của tăng trưởng và tốc độ tăng trưởng:

$$a = \frac{\sigma}{g}$$

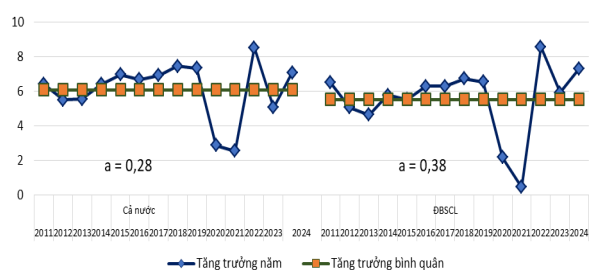
Trong đó, g là tốc độ tăng trưởng trung bình của giai đoạn cần tính

σ là độ lệch chuẩn tổng thể được tính bằng công thức:

$$\sigma = \sqrt{\frac{\sum_{i=1}^N (X_i - \mu)^2}{N}}$$

Với N là số năm quan sát hay quy mô tổng thể; X_i là giá trị trên quan sát thứ i (tốc độ tăng trưởng năm i); và μ là trung bình tổng thể) thể hiện mức độ ổn định tăng trưởng kinh tế, chỉ số này càng tiến tới 0 thì tăng trưởng càng ổn định. Nếu như giai đoạn trước dịch Covid, ĐBSCL có $a = 0,12$, gần như tương đương so với $a = 0,11$ của cả nước; với tác động nghiêm trọng từ dịch bệnh tới tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2020-2021, đã khiến tính ổn định của cả giai đoạn kém hơn rất nhiều so với giai đoạn trước đó, với $a = 0,38$, cao hơn so với chỉ số a của cả nước trong cùng giai đoạn.

Hình 5. Tính ổn định của tăng trưởng vùng ĐBSCL



Nguồn: Tính toán từ tác giả

Đề xuất giải pháp

Để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế vùng ĐBSCL trong những năm tiếp theo, cần tập trung tháo

gỡ các khó khăn, thách thức mà vùng đang phải đối diện.

Thứ nhất, hoàn thiện hệ thống hạ tầng của vùng. Việc xây dựng hệ thống hạ tầng của vùng cần có sự đồng thuận và thống nhất giữa các tỉnh trong vùng để kết nối với nhau và với vùng Đông Nam Bộ; huy động, phân bổ nguồn vốn đầu tư có trọng tâm, trọng điểm vào các công trình động lực, có tính lan tỏa, kết nối; khai thác có hiệu quả nguồn lực từ tài sản kết cấu hạ tầng được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước thông qua hình thức nhượng quyền khai thác; đẩy nhanh công tác giải phóng mặt bằng, tạo điều kiện thuận lợi về nguồn vật liệu, công bố giá kịp thời, sát thực tế để triển khai các dự án đầu tư xây dựng. Bên cạnh hạ tầng giao thông, hạ tầng thương mại cũng cần được chú trọng và phát triển hiện đại, đồng bộ, hỗ trợ hiệu quả cho các trung tâm đầu mối về nông nghiệp; đầu tư xây dựng hệ thống kho chứa và bảo quản nông sản; phát triển thương mại điện tử, thương mại biên giới để mở rộng thị trường tiêu thụ hàng hóa và thúc đẩy xuất khẩu các sản phẩm nông sản có thể mạnh. Bên cạnh đó, để tiếp tục thúc đẩy phát triển cơ sở hạ tầng đồng bộ, ngoài việc tập trung vốn đầu tư công, có thể thúc đẩy, thực hiện các chính sách khuyến khích khu vực tư nhân tham gia đầu tư, phát triển cơ sở hạ tầng của vùng, đặc biệt cho những tuyến đường, công trình giao thông, trung tâm logistics, hạ tầng thương mại mà nguồn vốn Trung ương chưa đưa vào danh mục đầu tư.

Thứ hai, có chiến lược dài hạn nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Cần xây dựng cơ chế khuyến khích và chế tài tác động trực tiếp đến hành vi của người dân, tạo động cơ đi học; mở rộng đối tượng được hưởng chế độ miễn, giảm học phí; đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục; khuyến khích và tuyên dương những tấm gương tiêu biểu trong phòng trào học tập, nâng cao trình độ, đồng thời phát huy tính tích cực, chủ động của mỗi người dân trong vùng, nhất là lực lượng lao động trẻ, học sinh, sinh viên trong nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của vùng nói riêng và phát triển kinh tế - xã hội nói chung. Tạo cơ hội việc làm giữ chân người lao động; đẩy mạnh đào tạo nhân lực chất lượng cao thông qua nâng cao

chất lượng đào tạo trong các cơ sở giáo dục, kiểm định chất lượng của các cơ sở giáo dục cao đẳng, đại học trong vùng tiến tới liên kết vùng trong thực hiện chiến lược đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; khuyến khích các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước có uy tín tham gia đầu tư cơ sở vật chất; đẩy mạnh liên kết vùng trong thực hiện phát triển nguồn nhân lực; đẩy mạnh công tác định hướng phát triển nghề nghiệp và phân luồng lao động phù hợp với nhu cầu thực tế của xã hội.

Thứ ba, hiện đại hóa nền nông nghiệp. Cần chuyển đổi nông nghiệp truyền thống của vùng sang nền kinh tế nông nghiệp hiện đại một cách bài bản: thị trường hóa hoạt động nông nghiệp, gắn với thị trường để ổn định đầu ra; công nghiệp hóa và công nghệ hóa nông nghiệp để tăng năng suất, chất lượng; dịch vụ hóa nông nghiệp để tăng cường chuyên môn hóa và cải thiện hiệu quả; và nông nghiệp thích ứng với môi trường, khí hậu để phát triển bền vững. Bên cạnh đó, gắn việc phát triển nông nghiệp ĐBSCL với chương trình xây dựng nông thôn mới và quá trình đô thị hóa tại các tiểu vùng để phối hợp và khai thác có hiệu quả các nguồn lực. Thúc đẩy phát triển các hình thức tổ chức sản xuất kinh tế tập thể theo hướng tăng cường hợp tác, liên kết giữa sản xuất gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Tăng cường cơ chế hợp tác và liên kết bốn nhà (nhà nước, nhà doanh nghiệp, nhà khoa học và nhà nông), cần thiết xây dựng khung thể chế đảm bảo sự tuân thủ việc thực thi các quy định giữa doanh nghiệp và nhà nông nhằm đảm bảo lợi ích giữa các bên. Liên tục thực hiện các biện pháp khuyến nông, huấn luyện để tăng cường năng lực và trình độ cho người nông dân; đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức xã hội, tổ chức phi chính phủ và nhóm tình nguyện tham gia hỗ trợ người nông dân.

Thứ tư, tiếp tục triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm thích ứng biến đổi khí hậu. Mặc dù là vùng đảm bảo về an ninh lương thực cho quốc gia, nhưng đời sống của người dân vùng ĐBSCL còn bấp bênh và gặp nhiều khó khăn do những ảnh hưởng của biến đổi khí hậu và xâm nhập mặn. Điển hình là những đợt hạn mặn lịch sử năm 2015-2016 và 2019-2020 đã gây ảnh

hưởng không nhỏ đến sản xuất và sinh hoạt của người dân. Chỉ tính riêng đợt hạn mặn kỷ lục năm 2015-2016 đã khiến 13 địa phương vùng ĐBSCL bị ảnh hưởng, trong đó 9/13 tỉnh bị ảnh hưởng nghiêm trọng, khiến hơn 215 nghìn ha lúa và gần 70 nghìn ha thủy sản bị ảnh hưởng (Bộ NN&PTNT, 2016). Ước tính thiệt hại kinh tế do xâm nhập mặn gây ra cho nông nghiệp và thủy sản vùng ĐBSCL năm 2016 là 5,5 nghìn tỷ, tương đương 236 triệu USD, chiếm 0,74% tổng giá trị nông, lâm thủy sản năm 2016.

Do đó, cần tiếp tục triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu, tích hợp trong các chính sách phát triển kinh tế của vùng như phát triển hệ thống thủy lợi phòng chống thiên tai, bảo vệ và nâng cấp hệ thống đê biển kết hợp với hệ thống thủy lợi để chống xói lở và tăng cường khả năng chống thiên tai; nghiên cứu, triển khai các phương án xây hồ chứa, các giải pháp tích trữ nước liên vùng, liên tỉnh với quy mô phù hợp với quy hoạch tài nguyên nước, quy hoạch vùng ĐBSCL và quy hoạch thủy lợi để tăng cường khả năng trữ lũ, giữ nước ngọt, điều tiết nguồn nước; đầu tư nạo vét kênh mương, đắp đập ngăn mặn, trữ ngọt; chuyển đổi cơ cấu kinh tế bền vững, trọng tâm là xây dựng cơ cấu sản xuất theo ba ngành chính là thủy sản - cây ăn quả - lúa, với thủy sản là sản phẩm chủ lực, đẩy mạnh công nghiệp chế biến và công nghiệp hỗ trợ, phát triển công nghiệp xanh, ít phát thải, xây dựng dịch vụ - du lịch thành ngành kinh tế mạnh dựa trên khai thác lợi thế tự nhiên và văn hóa địa phương; xây dựng nông thôn mới gắn với phát triển, ứng dụng công nghệ cao, sạch, hữu cơ; chủ động sống chung với lũ và thích nghi với các đặc tính tự nhiên của vùng; khai thác và sử dụng hiệu quả nước lợ, nước mặn...

Tài liệu tham khảo:

- Bộ KH&ĐT (2025). Tài liệu hội nghị Hội đồng điều phối vùng Đồng bằng sông Cửu Long lần thứ năm. Hà Nội.
- Bộ NN&PTNT (2016). Bài trình bày "Báo cáo tóm tắt về hạn hán và xâm nhập mặn, tác động và kế hoạch thích ứng giai đoạn 2016-2020".
- NAWAPI (2022). Báo cáo tổng hợp Quy hoạch tổng hợp lưu vực sông Cửu Long thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Trung tâm quy hoạch và điều tra tài nguyên nước quốc gia. Bộ Tài nguyên và Môi trường.
- Niên giám thống kê các tỉnh ĐBSCL năm 2023
- VCCI (2022). Báo cáo kinh tế thường niên Đồng bằng sông Cửu Long 2022. Chuyển đổi mô hình phát triển và Quy hoạch tích hợp. NXB Đại học Cần Thơ.